

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 17/5/2018

V/v ly hôn giữa chị H và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Hồng;

Ông Vũ Xuân Thùy.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2017/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc “ Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1993; nơi đăng ký HKTT: Xóm 9, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện tại : Xóm 3, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1989; nơi đăng ký HKTT: Xóm 9, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi làm việc: Công ty Thủy điện HQ - BC, Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam; địa chỉ: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Tạ Văn P, sinh năm 1982; Luật sư Công ty Luật TNHH ASV - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Tầng 2, số 211 HTM, phường C, quận N, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964; nơi cư trú: Xóm 9, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/11/2017, các bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Huy H kết hôn ngày 27/03/2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới được thời gian ngắn vợ chồng cùng đi làm ăn ở xa quê và thường xuyên sống xa nhau. Anh H ham vui chơi với bạn bè, không quan tâm chăm sóc đến vợ con, không đưa tiền cho chị nuôi con nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau về kinh tế. Anh H còn có lời nói xúc phạm danh dự và đánh chị. Từ tháng 10/2016 anh H tự chuyển đồ đạc ra khỏi nhà trọ vợ chồng thuê chung tại Hà Nội để ở riêng từ đó đến nay. Gia đình hai bên cũng khuyên giải nhiều nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Nay chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn.

Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 13/11/2015. Thời gian bắt đầu ly thân thì chị nuôi con, đến tháng 11/2017 chị gửi con về cho mẹ chồng nhờ chăm sóc hộ. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai. Trước khi cưới chị có tài sản riêng là 1,2 cây vàng 9999 của bố mẹ để cho đã gửi mẹ chồng là bà Phạm Thị Đ giữ hộ và 30 triệu đồng tiền mừng cưới đưa cho anh H giữ. Chị yêu cầu bà Đ, anh H trả lại số tiền, vàng trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 02/3/2018, chị Bùi Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chị không yêu cầu anh Nguyễn Huy H phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Huy H trình bày:

Anh nhất trí với chị H về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Anh và chị H đã thỏa thuận để anh trực tiếp nuôi con chung, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng. Về tài sản anh nhất trí với chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trước đây anh có đơn đề nghị chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nơi anh đang sinh sống, làm việc để giải quyết nhưng anh và chị H đã thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường tiếp tục giải quyết vụ án để thuận tiện việc đi lại của hai bên, nay anh vẫn giữ nguyên quan điểm trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Huy H, đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của anh Nguyễn Huy H và chị Bùi Thị H tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng đều từ chối nhận văn bản tố tụng và vắng mặt không tham gia tố tụng, không có ý kiến và yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên

tòa cơ bản đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự và người tham gia tố tụng khác đều chấp hành pháp luật tố tụng tham gia giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Huy H; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Huy H có địa chỉ đăng ký thường trú tại Xóm 9, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định nhưng đang sinh sống, làm việc tại Công ty Thủy điện HQ - BC – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam; địa chỉ: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Huy H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đã đăng ký kết hôn ngày 27/3/2015 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống do hoàn cảnh công việc khác nhau nên vợ chồng thường xuyên sống xa nhau, không có điều kiện chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống từ đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn bất đồng về kinh tế gia đình. Vợ chồng xảy ra xô sát và đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh H cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Huy H cũng đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nhiều năm, tại phiên tòa các bên đều tự nguyện ly hôn nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Huy H có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 13/11/2015 hiện đang ở với anh H và bà Phạm Thị Đ. Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu Tnh H cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã

rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị H và anh H đã thỏa thuận anh H được tiếp tục trực tiếp nuôi con, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh H và được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, cháu H cũng đang ở với gia đình bố mẹ anh H, được chăm sóc và nuôi dưỡng đầy đủ nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Khi khởi kiện chị H có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản riêng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Bùi Thị H đã rút lại yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, anh Nguyễn Huy H cũng nhất trí nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về tài sản của chị Bùi Thị H theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Huy H.

2. Về việc nuôi con chưa thành niên: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: Anh Nguyễn Huy H tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 13/11/2015 hiện đang ở với anh H và bà Phạm Thị Đ. Chị Bùi Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về tài sản khi ly hôn của chị Bùi Thị H, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.800.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000649 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Bùi Thị H được trả lại số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên